

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 07/2019/ST-DS

Ngày: 18/6/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Vũ Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Ràng.**

2. **Bà Trần Thị Hiến.**

***-Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 18/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 11/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG N.**

Địa chỉ: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: **Bà Trần Thị Mỹ D** – Phó giám đốc ngân hàng n Việt Nam – chi nhánh thị xã N. (Theo giấy ủy quyền số 135/NHNo-UQ ngày 15/3/2019).

Bà D có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Ông LÊ VĂN T** - sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Huỳnh Thị D**, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bà Duôn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà D trình bày: Ngày 27/4/2015, aaA hộ gia đình ông Lê Văn T có ký với Ngân hàng n Việt Nam – chi nhánh thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

hợp đồng tín dụng số 4704LAV201502116/HĐTD để vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình (nuôi bò, gà); lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Thời hạn vay là 36 tháng từ ngày 27/4/2015 đến 27/4/2018. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và thực hiện các thỏa thuận khác, hộ gia đình ông Lê Văn T không trả được nợ và số tiền vay trên đã chuyển thành nợ quá hạn.

Ngân hàng n Việt Nam – chi nhánh thị xã N, Khánh Hòa đã nhiều lần nhắc nhở nhưng hộ gia đình ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị D vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 18/6/2019, hộ gia đình ông T, bà D còn nợ tiền gốc: 20.000.000 đồng, tiền lãi 1.185.000 đồng; tổng cộng: 21.185.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D phải trả cho Ngân hàng n Việt Nam một lần số tiền 21.185.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không trình bày ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T, bà D nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đã không thu thập được lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà D.

[2] Về nội dung tranh chấp: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà đương sự đã cung cấp đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 27/4/2015 giữa Ngân hàng n Việt Nam – chi nhánh thị xã N, Khánh Hòa và đại diện của hộ gia đình là ông Lê Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 4704LAV201502116/HĐTD để vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình (nuôi bò, gà); lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng n Việt Nam buộc bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D phải trả số tiền 21.185.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch về hợp đồng vay tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, đến thời hạn thỏa thuận nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện việc thanh toán tiền vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà D không đến Tòa án cũng như không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh thì coi như họ đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T và bà D phải trả số tiền 21.185.000 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị D phải trả cho Ngân hàng n Việt Nam số tiền là 21.185.000đ (hai mươi một triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng); trong đó: tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 1.185.000 đồng (tính đến ngày 18/6/2019).

Quy định: Kể từ ngày 19/6/2019 nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị D cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.059.250 đồng (*một triệu không trăm năm mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 520.375 đồng (*năm trăm hai mươi ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006393 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân TX N;
- Chi cục thi hành án TX N;
- Đường sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Linh